



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 37 + 38 (15/5/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

20-4-2010 - Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2

63. Thủ tục Xác nhận đề án bảo vệ môi trường - mã số hồ sơ: 041772

63.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do:

Hồ sơ này đã được nộp tại Phòng Quản lý đầu tư - Ban quản lý các KCX và CN TP. trước khi xin phép Đầu tư.

b) Sửa đổi, bổ sung tờ khai: Văn bản đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường.

Bỏ:

+ Tất cả các chữ “xin”, “quý” trong văn bản đề nghị;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;

+ Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Lý do:

Từ ngữ và nội dung chưa hợp lý

63.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều d, khoản 2.2, Điều 2, Phần II, Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án BVMT.

Điều 2 - Phần II và Phụ lục 3 - Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án BVMT.

64. Thủ tục Xác nhận hoàn thành đề án Bảo vệ môi trường - mã số hồ sơ: 041792

64.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi thành phần hồ sơ: Chỉ nộp 03 bản copy Kết quả phân tích mẫu chất thải sau xử lý (nhưng phải mang theo bảng chính để đối chiếu).

Lý do:

Việc phát hành kết quả của đơn vị tư vấn thí nghiệm thường không phát hành nhiều bản chính, đồng thời doanh nghiệp phải lưu giữ để phục vụ cho các công việc khác.

b) Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày còn 07 ngày làm việc.

Lý do:

Trong phạm vi các KCX-KCN nên thuận lợi trong việc thẩm định hồ sơ.

c) Sửa đổi, bổ sung tờ khai: Văn bản đề nghị xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận

- Bỏ tất cả các chữ “xin”, “quý” trong toàn bộ văn bản;

- Nộp 03 bản copy kết quả phân tích mẫu chất thải (thay vì 03 bản kết quả).

Lý do:

Từ ngữ và nội dung chưa hợp lý.

64.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 2 - Mục 3 - Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

Điểm 3 - Mục 4 - Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

65. Thủ tục Xác nhận việc chủ dự án đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung trước khi dự án đi vào vận hành chính thức - mã số hồ sơ: 117153

65.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

- Báo cáo về kế hoạch xây lắp các công trình xử lý và bảo vệ môi trường;
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý và bảo vệ môi trường trước khi dự án vận hành chính thức.

Lý do:

Trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường mà chủ đầu tư trình đề được phê duyệt đã có nêu kế hoạch xây lắp các công trình xử lý và bảo vệ môi trường và được cơ quan nhà nước phê duyệt, vì vậy việc làm báo cáo kế hoạch sẽ là một công việc không cần thiết.

Về việc Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý và bảo vệ môi trường trước khi dự án vận hành chính thức: Khoảng thời gian này không cố định và phụ thuộc hoàn toàn vào Chủ đầu tư cũng như đơn vị tư vấn lắp đặt, đồng thời có thể vì một số điều kiện khách quan mà thời gian vận hành thử có thể dài hay ngắn hơn, do đó không cần thiết phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm này. Khi hoàn tất việc vận hành, nếu chất lượng đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ mời cơ quan chức năng xuống kiểm tra và xác nhận.

b) Sửa đổi mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị xác nhận về việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức

Lý do:

Từ ngữ chưa hợp lý.

c) Bãi bỏ mẫu tờ khai: Báo cáo kế hoạch xây lắp các công trình xử lý và bảo vệ môi trường.

Lý do:

Khi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo yêu cầu của Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư đã phải ghi rõ kế hoạch lắp đặt, xây lắp các công trình xử lý ô nhiễm để làm cơ sở cho cơ quan quản lý nhà nước xác nhận, vì vậy không cần thiết thực hiện một lần nữa, sẽ khó đảm bảo đúng tiến độ đã được xác nhận.

d) Bãi bỏ mẫu tờ khai: Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý và bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

Lý do:

Trên thực tế, không quy định rõ thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý ô nhiễm, vì vậy nếu Chủ đầu tư thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ khó đảm bảo đúng tiến độ.

65.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 11 - Mục 3 - Phụ lục 19 và 20 - Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

66. Thủ tục Khai trình sử dụng lao động - mã số hồ sơ: 042239

66.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Khai trình sử dụng lao động.

Lý do:

Thủ tục hành chính yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan quản lý lao động. Tuy nhiên trong biểu mẫu khai trình tình hình sử dụng lao động có nhiều thông tin mà cơ quan quản lý lao động không có cơ sở và điều kiện để kiểm tra tính chính xác, trung thực của báo cáo khi xác nhận.

Do đó, thủ tục hành chính này chỉ nên được xem là một loại báo cáo của doanh nghiệp, việc xác nhận của cơ quan quản lý lao động là không cần thiết.

66.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 182 Bộ Luật Lao động sửa đổi bổ sung năm 2002.

67. Thủ tục Báo cáo tăng giảm lao động - mã số hồ sơ: 042103

67.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Báo cáo tăng giảm lao động.

Lý do:

Thủ tục hành chính yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan quản lý lao động. Tuy nhiên trong biểu mẫu có nhiều thông tin mà cơ quan quản lý lao động không có cơ sở và điều kiện để kiểm tra tính chính xác, trung thực của báo cáo khi xác nhận.

Do đó, thủ tục hành chính này chỉ nên được xem là một loại báo cáo của doanh nghiệp, việc xác nhận của cơ quan quản lý lao động là không cần thiết.

67.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 182 Bộ Luật Lao động sửa đổi bổ sung năm 2002.

68. Thủ tục Đăng ký cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Tp.HCM (thẻ ABTC) - mã số hồ sơ: 046228

68.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Tp.HCM (thẻ ABTC).

Lý do:

Việc quy định kiểm tra chấp hành pháp luật của doanh nhân thực hiện qua nhiều đầu mối làm chậm tiến trình cấp thẻ. Nếu cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phối hợp trực tiếp với các sở ngành thì sẽ tiết kiệm được chi phí lẫn thời gian của doanh nghiệp. Do đó, đề nghị:

+ Bãi bỏ thủ tục “Văn bản xét cho phép sử dụng thẻ ABTC” của UBND.

+ Giao cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh địa phương trực tiếp phối hợp với các sở ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và thương nhân.

68.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 9 Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

69. Thủ tục Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là các tổ chức - mã số hồ sơ: 041924

69.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là các tổ chức.

Lý do:

Theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, các tiêu chí đánh giá một hồ sơ thầu đã được chủ đầu tư thông qua rất chi tiết, đánh giá rõ được năng lực hoạt động của nhà thầu, nên không cần cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài.

69.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Quyết định 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Thông tư 05-2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

70. Thủ tục Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân - mã số hồ sơ: 041806

70.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân.

Lý do:

Theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, các tiêu chí đánh giá một hồ sơ thầu đã được chủ đầu tư thông qua rất chi tiết, đánh giá rõ được năng lực hoạt động của nhà thầu, nên không cần cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài.

70.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Thông tư số 05/2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

71. Thủ tục Xác nhận Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư - mã số hồ sơ: 044767

71.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Xác nhận Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư.

Lý do:

Hiện trong các KCX-KCN không có nhà chung cư mà chỉ có nhà lưu trú công nhân nên không phát sinh các giao dịch dạng này. Trường hợp chủ sở hữu nhà lưu trú công nhân cần giao dịch, thì sẽ áp dụng thủ tục xác nhận hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất.

71.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục quy định tại Phần I, Điều 1 và Phần III, Điều 1.1, Mẫu hợp đồng số 21/HĐTC Thông tư số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT.

72. Thủ tục Xác nhận Hợp đồng thuê căn hộ chung cư - mã số hồ sơ: 044773

72.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Xác nhận Hợp đồng thuê căn hộ chung cư.

Lý do:

Hiện trong các KCX-KCN không có nhà chung cư mà chỉ có nhà lưu trú công nhân nên không phát sinh các giao dịch dạng này. Trường hợp chủ sở hữu nhà lưu trú công nhân cần giao dịch, thì sẽ áp dụng thủ tục xác nhận hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất.

72.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục quy định tại Phần I, Điều 1 và Phần III, Điều 1.1, Mẫu hợp đồng số 17/HĐT Thông tư số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT.

73. Thủ tục Xác nhận Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư - mã số hồ sơ: 044779

73.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Xác nhận Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư.

Lý do:

Hiện trong các KCX-KCN không có nhà chung cư mà chỉ có nhà lưu trú công nhân nên không phát sinh các giao dịch dạng này. Trường hợp chủ sở hữu nhà lưu trú công nhân cần giao dịch, thì sẽ áp dụng thủ tục xác nhận hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất.

73.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục quy định tại Phần I, Điều 1 và Phần III, Điều 1.1, Mẫu hợp đồng số 09/HĐTC Thông tư số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT.

XVII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) - mã số hồ sơ: 048208

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công

nghe, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chôn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí:

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ (thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ): 500.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, hiện nay theo quy định mới tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, đề nghị điều chỉnh mức phí, lệ phí mới.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKH&CN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức Khoa học và Công nghệ - mã số hồ sơ: 048264

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chôn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ: 2.000.000 đồng/lần

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: 300.000 đồng/lần

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định mới tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện

hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi trụ sở chính của tổ chức Khoa học và Công nghệ - mã số hồ sơ: 048356

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chôn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

Quy định hiệu lực đối với Giấy chứng nhận là điều cần thiết bởi vì hiện nay trên thực tế đã có tổ chức KH&CN thay đổi trụ sở trú đóng nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký, cơ quan cấp giấy chứng nhận gặp khó khăn trong việc liên hệ văn thư khi có yêu cầu đột xuất của Bộ KH&CN về thực hiện chế độ báo cáo, hơn nữa tại Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ không có quy định chế tài đối với các tổ chức KH&CN hoạt động có vi phạm hành chính về việc này, nếu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN có ghi hiệu lực, đến thời hạn sẽ hết hiệu lực, hạn chế được hiện tượng tiêu cực trong hoạt động KH&CN, thời hạn hiệu lực 05 năm là khoảng thời gian tương đối hợp lý đối với tổ chức KH&CN.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thay đổi trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.000.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKH&CN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên cơ quan thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp tổ chức KH&CN - mã số hồ sơ: 048386

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thay đổi tên cơ quan thành lập/quản lý của tổ chức khoa học và công nghệ: 500.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chốn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

5. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức KH&CN - mã số hồ sơ: 048405

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thay đổi lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ: 500.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chôn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày

24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

6. Thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức KH&CN (trong trường hợp bị mất, rách, nát) - mã số hồ sơ: 048414

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chốn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ (thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ): 500.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH-CN: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

7. Thủ tục đăng ký gia hạn giấy chứng nhận hoạt động của tổ chức KH&CN - mã số hồ sơ: 048427

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chôn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ (thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ): 500.000 đồng/lần.

- Lệ phí gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH-CN: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày

28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

8. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ - mã số hồ sơ: 048482

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN không quy định cụ thể hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, vì thế các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể là tổ chức KH&CN không còn hoạt động và bỏ chốn, cơ quan cấp giấy chứng nhận không thể thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp.

b) Sửa đổi mức thu phí, lệ phí.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ (thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ): 1.000.000 đồng/lần.

- Lệ phí thay đổi vốn trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH-CN: 300.000 đồng/lần.

Lý do:

Trước đây mức thu phí và lệ phí áp dụng theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2009 (thay thế Thông tư số 106/TT-LB). Do đó, điều chỉnh mức phí, lệ phí mới cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung điều khoản quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong Thông tư số 10/2005/TT-BKH-CN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.

- Áp dụng Điều 2 Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

9. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - máy đo điện não - mã số hồ sơ: 049692

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Chương III Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14/01/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường, hiệu lực ngày 29/01/2002.

- Sửa đổi tên thủ tục trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP (thủ tục số 25 Mục II Phần II).

10. Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - mã số hồ sơ: 050529

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ như sau: Thời hạn giải quyết hồ sơ là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 77 Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 thì thời hạn cấp phép là 30 ngày, tuy nhiên thực tế việc cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ được thực hiện dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân, tổ chức nộp mà không cần xin ý kiến tham vấn hay thỏa thuận của cơ quan hành chính khác và thời gian 10 ngày vẫn đảm bảo giải quyết hồ sơ đúng hạn.

b) Sửa đổi hiệu lực của Giấy phép tiến hành công việc bức xạ như sau: Hiệu lực của Giấy phép tiến hành công việc bức xạ là 5 năm kể từ ngày cấp.

Lý do:

Vì thiết bị X-quang chụp chẩn đoán đã được kiểm tra chất lượng hàng năm theo quy định, phòng đặt thiết bị được che chắn bằng lớp chì (Pb) dày 2mm hoặc trát Barít xung quanh theo quy chuẩn, nên bảo đảm tốt về an toàn bức xạ đối với môi trường xung quanh và khá bền về thời gian. Do đó, kéo dài thời hạn có hiệu lực của giấy phép từ 3 năm lên 5 năm để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình sử dụng giấy phép.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 77 Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.

- Sửa đổi khoản 7 Điều 74 Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008, và điểm d khoản 2 Mục XI Phần II Thông tư số 05/2006/TT-BKHHCN ngày 11/01/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thủ tục khai báo, cấp giấy đăng ký và cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến bức xạ.

11. Thủ tục gia hạn phép tiến hành công việc bức xạ - mã số hồ sơ: 050590

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ như sau: Thời gian giải quyết hồ sơ là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Vì thực tế việc cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ được thực hiện dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân, tổ chức nộp mà không cần xin ý kiến tham vấn hay thỏa thuận của cơ quan hành chính khác và thời gian 10 ngày vẫn đảm bảo giải quyết hồ sơ đúng hạn.

b) Sửa đổi mức thu phí như sau: Phí thẩm định an toàn bức xạ (trường hợp gia hạn): bằng 75% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới.

Lý do:

Vì quy trình thẩm định an toàn bức xạ khi gia hạn Giấy phép thì hoàn toàn giống như khi cấp mới lần đầu. Nếu chỉ thu bằng 25% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới thì không đủ để chi cho việc tiến hành thẩm định an toàn bức xạ tại cơ sở. Do đó, đề nghị tăng mức phí bằng 75% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 77 (bổ sung thời hạn giải quyết vào khoản 3 Điều 78) Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.

- Sửa đổi khoản 5 (phần ghi chú) Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực an toàn và kiểm soát bức xạ ban hành kèm theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BTC

ngày 24/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực an toàn và kiểm soát bức xạ.

12. Thủ tục cấp lại phép tiến hành công việc bức xạ - mã số hồ sơ: 050619

12.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ như sau: Thời gian giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc nếu hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Việc cấp lại Giấy phép không cần qua quy trình thẩm định an toàn bức xạ tại cơ sở, hồ sơ cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ đơn giản hơn rất nhiều so với hồ sơ cấp mới, chỉ dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân, tổ chức nộp mà không cần phải xin ý kiến của cơ quan hành chính khác.

12.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

- Sửa đổi khoản 3 Mục XV Phần II Thông tư số 05/2006/TT-BKHHCN ngày 11/01/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thủ tục khai báo, cấp giấy đăng ký và cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến bức xạ.

13. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp - mã số hồ sơ: 050640

13.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung như sau:

- Thành phần hồ sơ: Chỉ nên yêu cầu cung cấp bản sao (photocopy) không cần có chứng thực đối với các giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ.

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.

Lý do:

Việc yêu cầu cung cấp bản sao có chứng thực là không cần thiết, vì để xác thực

bản sao thì cán bộ của cơ quan hành chính chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản chính với bản photocopy là đủ. Trong khi đó, nếu đặt ra yêu cầu này sẽ làm cho cá nhân, tổ chức phải mất thời gian và chi phí thực hiện thêm thủ tục chứng thực bản sao.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm b, c khoản 2 Mục IV Thông tư số 01/2008/TT- BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

14. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp - mã số hồ sơ: 050674

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung như sau:

- Thành phần hồ sơ: Chỉ nên yêu cầu cung cấp bản sao (photocopy) không cần có chứng thực đối với các giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ.

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.

Lý do:

Việc yêu cầu cung cấp bản sao có chứng thực là không cần thiết, vì để xác thực bản sao thì cán bộ của cơ quan hành chính chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản chính với bản photocopy là đủ. Trong khi đó, nếu đặt ra yêu cầu này sẽ làm cho cá nhân, tổ chức phải mất thời gian và chi phí thực hiện thêm thủ tục chứng thực bản sao.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm b, c khoản 2 và điểm c khoản 4 Mục IV Thông tư số 01/2008/TT- BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

15. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Taximet - mã số hồ sơ: 048627

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Taximet”.

Lý do

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 1 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

16. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân phân tích, cân kỹ thuật - mã số hồ sơ: 048730

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân phân tích kỹ thuật”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 1 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

17. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân bàn - mã số hồ sơ: 048745

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân bàn”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 5 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

18. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân đĩa - mã số hồ sơ: 048757

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân đĩa”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 6 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

19. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân đồng hồ lò xo - mã số hồ sơ: 048901

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân đồng hồ lò xo”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 7 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

20. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân treo - mã số hồ sơ: 049323

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân treo.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 8 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

21. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cân Ô tô - mã số hồ sơ: 049365

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cân ô tô”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 9 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

22. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Quả cân E2, F1 - mã số hồ sơ: 049385

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Quả cân E2, F1”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 10 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

23. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Quả cân F2, M1, M2 - mã số hồ sơ: 049395

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Quả cân F2, M1, M2”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 11 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

24. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang - mã số hồ sơ: 049402

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 12 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

25. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Cột đo xăng dầu - mã số hồ sơ: 049414

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Cột đo xăng dầu”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 13 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

26. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Đồng hồ nước lạnh - mã số hồ sơ: 049431

26.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Đồng hồ nước lạnh”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 14 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

27. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Áp kế - mã số hồ sơ: 049458

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Áp kế”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 15 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

28. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Huyết áp kế - mã số hồ sơ: 049468

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Huyết áp kế”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 16 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

29. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Huyết áp kế pittong - mã số hồ sơ: 049491

29.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Huyết áp kế pittong”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 17 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

30. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng - mã số hồ sơ: 049496

30.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 18 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

31. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh rượu có cơ cấu cực tiêu - mã số hồ sơ: 049503

31.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh rượu có cơ cấu cực tiêu”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 19 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

32. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân có cơ cấu cực đại - mã số hồ sơ: 049509

32.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân có cơ cấu cực đại”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 20 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

33. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế y học thủy tinh thủy ngân có cơ cấu cực đại - mã số hồ sơ: 049674

33.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế y học thủy tinh thủy ngân có cơ cấu cực đại”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 21 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

34. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế y học điện tử hiện số có cơ cấu cực đại - mã số hồ sơ: 049677

34.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Nhiệt kế y học điện tử hiện số có cơ cấu cực đại”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 22 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

35. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha - mã số hồ sơ: 049685

35.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 23 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

36. Thủ tục Kiểm định phương tiện đo - Máy đo điện tim - mã số hồ sơ: 049688

36.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục “Kiểm định phương tiện đo - Máy đo điện tim”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục kiểm định phương tiện đo”. Vì xét về trình tự, thủ tục, kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu điều kiện, cơ sở pháp lý... khi thực hiện thủ tục này tương tự với các thủ tục kiểm định phương tiện đo khác.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hủy bỏ thủ tục số 24 Mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBNDTP.

37. Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - mã số hồ sơ: 050605

37.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Lý do:

Trong lĩnh vực an toàn bức xạ, khi thay đổi địa điểm, thiết bị, phòng đặt thiết bị là thay đổi toàn bộ các yếu tố cơ bản về an toàn bức xạ nên được xem là trường hợp cấp mới, chỉ còn trường hợp đổi tên, địa chỉ, điện thoại, số fax của cơ sở, hay thay đổi nhân sự thì không cần qua quy trình thẩm định an toàn bức xạ. Do đó, không cần thiết phải tiến hành thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điều 78 Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.

- Sửa đổi Mục XIII Phần II Thông tư số 05/2006/TT-BKHHCN ngày 11/01/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thủ tục khai báo, cấp giấy đăng ký và cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến bức xạ.

XVIII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ**1. Thủ tục tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức đối với diện hợp lý hóa gia đình.**

(Quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)– mã số hồ sơ: 049911

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Về thành phần hồ sơ đề nghị bỏ một phần như sau:

+ Bản sao hộ khẩu thường trú của vợ hoặc chồng.

+ Xác nhận có nhà ở ổn định tại thành phố.

Lý do:

Vì không phù hợp với quy định của Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh lại Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quy định tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp với Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội.

2. Thủ tục thẩm định việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước - mã số hồ sơ: 125924

2.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Đề nghị nhập thủ tục thẩm định việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước; thủ tục thẩm định việc thành lập lại tổ chức sự nghiệp nhà nước và thủ tục thẩm định việc giải thể thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước lại thành một thủ tục hành chính: Thủ tục thẩm định việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước (Mã số hồ sơ 125924).

Lý do:

Việc tách ra làm 03 thủ tục hành chính trên là không phù hợp với quy định hiện hành; đồng thời, thành phần hồ sơ của các thủ tục trên giống nhau nên nhập chung lại sẽ trách lãng phí trong công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho tổ chức dễ thực hiện thủ tục hành chính này.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước.

3. Thủ tục đề nghị xét tặng Cờ thi đua Chính phủ - mã số hồ sơ: 047087

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

4. Thủ tục đề nghị xét tặng Chiến sĩ thi đua cấp toàn quốc - mã số hồ sơ: 047121

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp

luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

5. Thủ tục đề nghị xét tặng Huân, Huy chương các loại - mã số hồ sơ: 047142

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị các bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

6. Thủ tục đề nghị xét tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ - mã số hồ sơ: 047162

6.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

6.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

7. Thủ tục tặng danh hiệu Anh hùng (Tỉnh/Thành phố Anh hùng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới) - mã số hồ sơ: 047182

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

8. Thủ tục hồ sơ của Hội đồng cấp cơ sở đề nghị xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước - mã số hồ sơ: 047212

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

9. Thủ tục đề nghị hiệp y tặng Cờ Thi đua, Bằng khen, Kỷ niệm chương của Bộ - Ngành Trung ương - mã số hồ sơ: 047103

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai sau:

- Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.
- Mẫu xác nhận nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách của đơn vị thuế đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (đối với các doanh nghiệp).

Lý do:

- Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Mẫu tờ khai xác nhận thuế hiện nay do địa phương tự soạn và quy định nên chưa được áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định mẫu tờ khai xác nhận thuế để thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

10. Thủ tục Đề nghị xác nhận, cấp đổi hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - mã số hồ sơ: 129642

10.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hợp pháp hóa thủ tục hành chính gồm các nội dung sau:

- Thủ tục hành chính về việc cấp đổi hiện vật khen thưởng.
- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị xác nhận khen thưởng, cấp đổi hiện vật khen thưởng.
- Về yêu cầu điều kiện: a) Đối với việc xác nhận: các bằng chứng chứng minh tập thể, cá nhân đã được khen thưởng hoặc công nhận danh hiệu thi đua; b) Đối với việc cấp đổi hiện vật: các hiện vật xin cấp đổi phải thật sự bị mất, rách, hư hỏng.

Lý do:

- Thủ tục hành chính này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mà hiện nay thực hiện theo Công văn số 24-TĐKT ngày 03/3/1995 của Viện Thi đua - Khen thưởng.

- Mẫu đơn hiện nay thực hiện theo Công văn số 24-TĐKT ngày 03/3/1995 của Viện Thi đua - Khen thưởng.

- Yêu cầu điều kiện hiện nay thực hiện theo Công văn số 24-TĐKT ngày 03/3/1995 của Viện Thi đua - Khen thưởng.

10.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

- Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính này, trong đó có mẫu đơn và yêu cầu điều kiện

bằng một văn bản quy phạm pháp luật thay cho Công văn số 24-TĐKT ngày 03/3/1995 của Viện Thi đua - Khen thưởng (nay là Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) về việc cấp đổi hiện vật khen thưởng bị mất, hư để thủ tục hành chính này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

11. Thủ tục Đề nghị tặng Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 047059

11.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

11.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

12. Thủ tục Đề nghị tặng Huy hiệu thành phố HCM - mã số hồ sơ: 047047

12.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

13. Thủ tục Đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố - mã số hồ sơ: 047024

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

14. Thủ tục Đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 046969

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

15. Thủ tục Đề nghị xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc - mã số hồ sơ: 046937

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

16. Thủ tục Đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố theo đợt hoặc chuyên đề - mã số hồ sơ: 042839

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai sau: Mẫu báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Lý do:

Mẫu báo cáo thành tích này không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Vì Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận - không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị các Bộ - ngành Trung ương phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu báo cáo thành tích thay cho Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để mẫu tờ khai này đảm bảo tính pháp lý và sức thuyết phục cao.

17. Thủ tục xin phép đặt văn phòng của hội có phạm vi hoạt động trong nước hoặc liên tỉnh - mã số hồ sơ: 049239

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Về thời gian giải quyết hồ sơ hành chính của Thủ tục xin phép đặt văn phòng của hội có phạm vi hoạt động trong nước hoặc liên tỉnh.

Lý do:

Thủ tục hành chính về xin phép đặt văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong nước hoặc liên tỉnh không quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho nên gây khó khăn cho các tổ chức khi thành lập hội, đồng thời tùy theo trường hợp cụ thể thì mỗi cơ quan quy định thời gian khác nhau. Cụ thể Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh giải quyết thủ tục hành chính này trong thời gian là 07 ngày làm việc là hợp lý theo yêu cầu giữa cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức thành lập hội.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung thời gian giải quyết thủ tục hành chính về xin phép đặt văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong nước hoặc liên tỉnh được

quy định tại Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 83/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

18. Thủ tục chấp thuận mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo - mã số hồ sơ: 048655

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung thêm quy định vào văn bản quy phạm pháp luật dùng để thực hiện thủ tục chấp thuận mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo.

Lý do:

Tại điều 15 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ quy định việc mở lớp bồi dưỡng chuyên hoạt động tôn giáo phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không quy định về biện pháp chế tài nếu tổ chức tôn giáo không đăng ký.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Phương án sửa đổi 1: Có thể sửa đổi trực tiếp vào điều 15 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ như sau: Tổ chức tôn giáo chỉ được mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo sau khi đăng ký và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở lớp. Nếu không thực hiện theo đúng trình tự thủ tục này thì kết quả đào tạo sẽ không được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phương án sửa đổi 2: Thêm vào khoản 3 Điều 15 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ mục hồ sơ đăng ký phong chức gồm: Kết quả tốt nghiệp khóa bồi dưỡng đào tạo do tổ chức tôn giáo mở đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

19. Thủ tục người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử - mã số hồ sơ: 048681

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung khoản 3 Điều 16 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về thủ tục đăng ký phong chức gồm: Kết quả tốt nghiệp khóa bồi dưỡng, đào tạo do tổ chức tôn giáo hợp pháp mở và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do:

Khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ quy định về hồ sơ đăng ký phong chức thiếu kết quả đào tạo tại trường, lớp bồi dưỡng hợp pháp của tổ chức tôn giáo. Do đó dẫn đến tình trạng các tổ chức tôn giáo mở trường, lớp không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định, đồng thời cũng không tuân theo việc đào tạo 2 môn bắt buộc là lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam mà không chịu bất kỳ sự chế tài nào.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về thủ tục đăng ký phong chức.

20. Thủ tục cải tạo, nâng cấp xây dựng mới công trình tôn giáo - mã số hồ sơ: 048769

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép xây dựng công trình tôn giáo.

Lý do:

Thủ tục hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo có quy định cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ xin phép xây dựng của các tổ chức tôn giáo là Sở Xây dựng cấp tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận theo quy định tại điều 66 Luật Xây dựng thì trái với quy định tại Điều 36 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, tại khoản 2 nêu rõ: “Những trường hợp thuộc thẩm quyền giải của UBND các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND và trả lời tổ chức tôn giáo”. Nếu căn cứ quy định trên thì đầu mối tiếp nhận hồ sơ xây dựng công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, phải do Ban Tôn giáo thành phố làm đầu mối, sau đó phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định và trình UBND thành phố giải quyết.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và một số cơ quan liên quan nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép xây dựng công trình tôn giáo. Cần xác định rõ cơ quan đầu mối để trình Ủy ban trọng ven hồ sơ của đối tượng xin phép xây dựng thì mới đảm bảo 20 ngày theo quy định.

Điều 36 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

21. Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một huyện của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo - mã số hồ sơ: 048778

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Cần bổ sung thêm vào Điều 30 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ một mục về chế tài đối với hoạt động quyên góp không theo đúng trình tự thủ tục quy định như: “Tổ chức tôn giáo khi quyên góp không đăng ký với Ủy ban nhân dân hoặc hoạt động sai với mục đích quyên góp đã đăng ký thì số tiền thu được do quyên góp mặc nhiên được xem như lợi nhuận bất hợp pháp và sẽ bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tịch thu sung công quỹ.

Lý do:

Theo quy định tại điều 28 pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo số 21/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 18/6/2004 của UBTVQH và Điều 30 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo quy định việc tổ chức quyên góp phải thông báo đến Ủy ban nhân dân nơi tổ chức quyên góp và chịu sự giám sát của Ủy ban nhân dân cũng như quy định không được lợi dụng việc quyên góp để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc thực hiện những mục đích trái pháp luật. Tuy nhiên, không có quy định về chế tài nếu tổ chức tôn giáo không thông báo với Ủy ban nhân dân hoặc tổ chức quyên góp sai mục đích đã đăng ký. Trên thực tế, tại các cơ sở tôn giáo hiện nay đều tổ chức quyên góp với quy mô từ nhỏ đến lớn như thùng công đức, phước sương, tại các chùa, hoặc thùng xin lễ tại các giáo xứ... cho đến việc đăng thông báo kêu gọi hỗ trợ xây dựng cơ sở

tôn giáo nhưng phần lớn không đăng ký với Ủy ban nhân dân và sau khi nhận được số tiền quyên góp, chính quyền cũng không biết tổ chức tôn giáo sử dụng vào việc gì.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 30 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

22. Thủ tục Giải quyết đơn thư khiếu nại - mã số hồ sơ: 047229

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Giải quyết đơn thư khiếu nại.

Lý do:

Bỏ thủ tục “Giải quyết đơn thư, khiếu nại”, số hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm số hồ sơ 047229. Thủ tục hành chính này không cần thiết vì Luật Thi đua, Khen thưởng, các Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Chính phủ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương không đề cập đến vấn đề giải quyết đơn thư, khiếu nại và cũng không ban hành các biểu mẫu để thực hiện thủ tục này. Đồng thời, thủ tục hành chính này được quy định trong Luật Khiếu nại, Tố cáo và đơn vị có thẩm quyền thực hiện các thủ tục này là Thanh tra các cấp.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Chính phủ sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó có ban hành về quy trình giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo về lĩnh vực thi đua khen thưởng để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương khi thực hiện thủ tục hành chính này.

23. Thủ tục Đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích đột xuất - mã số hồ sơ: 047199

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích đột xuất.

Lý do:

Bỏ thủ tục “Đề nghị xét tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích đột xuất”, số hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm 047199. Vì đã trùng với thủ tục “Đề nghị xét tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố theo đợt hoặc chuyên đề”, số hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm 042839.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận.

24. Thủ tục Cờ thi đua cấp thành phố đối với các đơn vị Trung ương trên địa bàn thành phố - mã số hồ sơ: 042885

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Cờ thi đua cấp thành phố đối với các đơn vị Trung ương trên địa bàn thành phố.

Lý do:

Bỏ thủ tục “Đề nghị xét tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các đơn vị Trung ương trên địa bàn thành phố”, số hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm 042885. Vì đã trùng với thủ tục “Đề nghị xét tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố”, số hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm 046969.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28/8/2007 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận.

25. Thủ tục thẩm định việc thành lập lại tổ chức sự nghiệp nhà nước - mã số hồ sơ: 125971

25.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định việc thành lập lại tổ chức sự nghiệp nhà nước

Lý do:

- Thủ tục hành chính này được sáp nhập vào thủ tục thành lập tổ chức sự nghiệp Nhà nước (mã số hồ sơ 125924). Vì tại Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định 03 thủ tục thành lập, thủ tục tổ chức lại, thủ tục giải thể tổ chức là 01 thủ tục; nếu tách ra làm 03 thủ tục là không phù hợp tại Điều 6 của Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 6 của Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước.

26. Thủ tục thẩm định việc giải thể tổ chức sự nghiệp nhà nước - mã số hồ sơ: 125991

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định việc giải thể tổ chức sự nghiệp nhà nước

Lý do:

Thủ tục hành chính này được sáp nhập vào thủ tục thành lập tổ chức sự nghiệp Nhà nước (mã số hồ sơ 125924). Vì tại Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định 03 thủ tục thành lập, thủ tục tổ chức lại, thủ tục giải thể tổ chức là 01 thủ tục; nếu tách ra làm 03 thủ tục là không phù hợp tại Điều 6 của Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 6 của Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước.

27. Thủ tục tự giải thể hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã - mã số hồ sơ: 049330

27.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục tự giải thể hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã.

Lý do:

Đề nghị nhập thủ tục tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã vào thủ tục chia tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã (Mã số hồ sơ 049315). Vì 02 thủ tục trên đều có thành phần hồ sơ giống nhau cho nên nhập thủ tục hành chính này vào thủ tục chia tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã sẽ đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt chi phí của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính này.

27.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 83/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

28. Thủ tục công nhận Ban vận động xin thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh - mã số hồ sơ: 049172

28.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục công nhận Ban vận động xin thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

Lý do:

- Tại Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ quy định: Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, do sở, cơ quan thuộc Ủy

ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở) quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận.

- Vì vậy, việc đặt thủ tục này tại Sở nội vụ thành phố là không cần thiết. chuyển thủ tục này từ Sở Nội vụ về các sở - ngành, các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 83/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội.

29. Thủ tục tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức đối với diện tiếp nhận, điều động do nhu cầu công tác (Quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) - mã số hồ sơ: 049941

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Đề nghị nhập thủ tục tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức đối với diện tiếp nhận, điều động do nhu cầu công tác (Mã số hồ sơ 049941) vào thủ tục tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức đối với diện do hợp lý hóa gia đình (Mã số hồ sơ 049911).

Lý do

Vì thành phần hồ sơ của 02 thủ tục hành chính này giống nhau cho nên nhập 02 thủ tục hành chính này thành 01 thủ tục là tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận và điều động đơn giản, không gây phiền hà cho cán bộ công chức; làm cho công tác quản lý nhà nước ít tốn kém hơn.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quy định tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố.

XIX. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

1. Thủ tục Đăng ký hoạt động công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 036938

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục thành: “Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào thủ tục “Đăng ký hoạt động văn phòng luật sư và công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên” thành một thủ tục chung và sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết...

b) Bỏ mẫu “Bản cam kết” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu luật sư không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 35 Luật Luật sư năm 2006.

- Sửa đổi tên thủ tục số 2 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Bỏ mẫu “Bản cam kết” (mẫu số 14-TN-LSVN) trong bộ thủ tục hành chính đã công bố (theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM).

2. Thủ tục Đăng ký hoạt động văn phòng luật sư và công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên - mã số hồ sơ: 036960

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký hoạt động văn phòng luật sư và công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục đăng ký hoạt động công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên” thành một thủ tục chung và sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết...

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 35 Luật Luật sư năm 2006.

- Bỏ thủ tục số 2 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

3. Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, hành nghề tư cách cá nhân - mã số hồ sơ: 036109

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

- Bỏ mẫu “Bản cam kết” trong thành phần hồ sơ.

- Chuẩn hóa mẫu “Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch tổ chức hành nghề luật sư” vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do:

- Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu luật sư không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

- Theo quy định của Luật Luật sư thì tên của tổ chức hành nghề luật sư không được trùng hay gây nhầm lẫn với tổ chức hành nghề luật sư khác, nhưng hiện nay Bộ Tư pháp chưa có cơ chế để các Sở Tư pháp tự kiểm tra việc trùng tên này nên trong quá trình đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, nếu có sự trùng tên thì Sở Tư pháp sẽ căn cứ vào Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch của các tổ chức hành nghề luật sư này để tiến hành đổi tên cho các tổ chức hành nghề luật sư, điều này sẽ hạn chế việc đi lại nhiều lần cho các luật sư khi tiến hành một thủ tục.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu “Bản cam kết” (mẫu số 14-TN-LSVN) trong bộ thủ tục hành chính đã công bố (theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM).

- Bổ sung mẫu “Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch tổ chức hành nghề luật sư” vào phần phụ lục - Thông tư số 02/2007/TT-BTP ngày 25/4/2007 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư.

4. Thủ tục Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư - mã số hồ sơ: 036121

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên “Thủ tục Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư” thành “Thủ tục Cung cấp thông tin”.

Lý do:

Nhập “Thủ tục Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư” và “Thủ tục Cung cấp thông tin về Văn phòng Công chứng” thành 1 thủ tục vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 37 Luật Luật sư năm 2006.

5. Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư - mã số hồ sơ: 036128

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ mẫu “Bản cam kết” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu luật sư không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ mẫu “Bản cam kết” (mẫu số 14-TN-LSVN) trong bộ thủ tục hành chính đã công bố (theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM).

6. Thủ tục Đăng ký chuyển đổi hình thức hoạt động tổ chức hành nghề luật sư - mã số hồ sơ: 036142

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Hủy bỏ “Danh sách thành viên.

Lý do:

“Danh sách thành viên” là một trong những thành phần hồ sơ của thủ tục chuyển đổi hình thức hoạt động tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên, “danh sách thành viên” này đã được các tổ chức hành nghề luật sư thể hiện trong Đơn đề nghị chuyển đổi hình thức hoạt động và Dự thảo Điều lệ mới của Công ty luật mới chuyển đổi. Do vậy, đề nghị không quy định “Danh sách thành viên” trong thành phần hồ sơ để tránh trùng lặp nội dung.

b) Bổ sung “bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư của thành viên mới” trong trường hợp bổ sung thành viên mới vào công ty luật trách nhiệm hữu hạn sau khi chuyển đổi hình thức hoạt động.

Lý do:

Pháp luật về luật sư không quy định rõ trường hợp bổ sung thành viên mới vào công ty luật trách nhiệm hữu hạn sau khi chuyển đổi hình thức hoạt động thì phải cung cấp bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư của thành viên mới này và để đảm bảo đủ điều kiện hành nghề luật sư.

c) Đổi tên “Thủ tục đăng ký chuyển đổi hình thức hoạt động tổ chức hành nghề luật sư” thành “Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn”.

Lý do:

Theo Điều 8 Nghị định 28/2007/NĐ-CP ngày 26/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư thì chỉ được phép chuyển đổi từ công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang loại hình công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên hoặc ngược lại. Do đó, đề nghị đổi tên thủ tục để phù hợp theo quy định pháp luật.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 8 Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư năm 2006.

Áp dụng Điều 8 Nghị định 28/2007/NĐ-CP ngày 26/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư.

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

7. Thủ tục Tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh - mã số hồ sơ: 036147

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên “Thủ tục Tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh” thành “Thủ tục Tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư”.

Lý do:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Luật sư 2006 thì trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tạm ngừng hoạt động thì các chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư đó cũng phải tạm ngừng hoạt động. Do đó, đề nghị đổi tên thủ tục này thành “Thủ tục Tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư” cho phù hợp với quy định trên.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 46 Luật Luật sư 2006.

8. Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân (Trường hợp Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân chết) - mã số hồ sơ: 043102

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, hành nghề luật sư với tư cách cá nhân”.

Lý do:

Nhập vào “Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành

nghe tư cách cá nhân (Trường hợp tự chấm dứt hoạt động)”, vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

9. Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (Trường hợp chi nhánh và văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức hành nghề luật sư) - mã số hồ sơ: 043064

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Hủy bỏ “Giấy tờ chứng minh hoặc cam kết về việc sẽ nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; thực hiện xong các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng (đối với Chi nhánh)” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Một trong những thành phần hồ sơ của thủ tục này là “Giấy tờ chứng minh hoặc cam kết về việc sẽ nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; thực hiện xong các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng (đối với Chi nhánh)”. Tuy nhiên, những nội dung này đã được tổ chức hành nghề luật sư thể hiện rõ ràng, đầy đủ trong Thông báo chấm dứt hoạt động. Chính vì vậy, không cần thiết phải có những giấy tờ này trong thành phần hồ sơ của thủ tục.

b) Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành: “Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (Trường hợp tổ chức hành nghề luật sư thành

lập Chi nhánh và Văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động) và đổi tên thủ tục hành chính thành: “Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư”, vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 48 Luật Luật sư năm 2006.

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

10. Thủ tục Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân - mã số hồ sơ: 036977

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ mẫu “Bản cam kết” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu luật sư không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ mẫu “Bản cam kết” (mẫu số 14-TN-LSVN) trong bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

11. Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (công ty mẹ có trụ sở tại Việt Nam) - mã số hồ sơ: 037025

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “Thủ tục Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với “Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức

hành nghề luật sư nước ngoài (công ty mẹ có trụ sở ở nước ngoài)” thành 1 thủ tục chung. Vì hai thủ tục giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

12. Thủ tục Đề nghị bổ nhiệm công chứng viên - mã số hồ sơ: 037054

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bỏ phần “Chứng thực chữ ký của UBND cấp xã” trong mẫu Sơ yếu lý lịch.
- Chuẩn hóa mẫu “Sơ yếu lý lịch” vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do:

- Yêu cầu nộp sơ yếu lý lịch (có xác nhận của UBND cấp xã) là không cần thiết. Vì bản sơ yếu lý lịch cung cấp nhiều thông tin chi tiết về người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, việc chứng thực chữ ký của UBND cấp xã không bảo đảm nội dung ghi trong lý lịch của người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên mà chỉ chứng thực chữ ký, nên việc xác nhận này là không cần thiết; người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên tự khai và tự chịu trách nhiệm.

- Hiện nay, mẫu đơn này được quy định cụ thể trong Quyết định số 289/QĐ-STP-BTTP ngày 11/7/2008 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc ban hành Quy trình và Hướng dẫn tiếp nhận, giải quyết hồ sơ về hoạt động công chứng tại Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh. Sơ yếu lý lịch cung cấp các thông tin cần thiết về người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên để đảm bảo đủ điều kiện được bổ nhiệm và phục vụ cho công tác quản lý công chứng viên sau khi được bổ nhiệm, do đó, cần thiết ban hành mẫu Sơ yếu lý lịch trong văn bản quy phạm pháp luật.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung mẫu “Sơ yếu lý lịch” vào Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng.

13. Thủ tục thành lập Văn phòng công chứng - mã số hồ sơ: 037068

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bãi bỏ mẫu đơn: “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập)”.

- Sửa đổi tên mẫu đơn “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập)” thành “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng”.

Lý do:

Việc đăng ký thành lập VPCC do 1 Công chứng viên và đăng ký thành lập VPCC do 2 công chứng viên trở lên là một thủ tục chung. Thông tin thể hiện trong mẫu đơn “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập)” đều đã có trong nội dung mẫu đơn “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên thành lập trở lên)”. Do đó, chỉ cần có 1 mẫu đơn chung áp dụng cho cả 2 trường hợp này.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu TP-CC-02 tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng.

- Sửa đổi tên mẫu đơn thành “Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng” (mẫu TP-CC-03) - Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng.

14. Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng - mã số hồ sơ: 037088

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

(1)- Bãi bỏ “Bản cam kết”.

(2)- Bãi bỏ mẫu đơn: “Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập)”.

(3)- Sửa đổi tên mẫu đơn “Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập)”.

(4)- Chuẩn hóa mẫu “Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch Văn phòng công chứng”.

Lý do:

(1)- Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu công chứng viên không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

(2,3)- Việc đăng ký hoạt động văn phòng công chứng (VPCC) do 1 Công chứng viên và đăng ký hoạt động VPCC do 2 công chứng viên trở lên là một thủ tục chung. Thông tin thể hiện trong mẫu đơn “Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập)” đều đã có trong nội dung mẫu đơn “Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên thành lập trở lên)”. Do đó, chỉ cần có 1 mẫu đơn chung áp dụng cho cả 2 trường hợp này.

(4)- Theo khoản 3 Điều 26 Luật Công chứng thì tên gọi của VPCC không được trùng hay gây nhầm lẫn với tổ chức hành nghề CC khác (trong phạm vi cả nước), nên trong quá trình đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng, nếu có sự trùng tên thì Sở Tư pháp sẽ căn cứ vào Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch Văn phòng công chứng này để tiến hành đổi tên cho các Văn phòng công chứng, điều này sẽ hạn chế việc đi lại nhiều lần cho người làm thủ tục.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu “Bản cam kết” trong bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Bỏ mẫu TP-CC-04 tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng.

- Sửa đổi mẫu TP-CC-05 - Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng.

- Bổ sung mẫu “Giấy đề nghị đăng ký tên, tên giao dịch Văn phòng công chứng” vào phần phụ lục - Quyết định 01/2008/QĐ-BTP ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ trong hoạt động công chứng.

15. Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Trường hợp mất Giấy đăng ký hoạt động) - mã số hồ sơ: 037098

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng”.

Lý do:

Nhập vào “Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)” thành 1 thủ tục chung, vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

16. Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng - mã số hồ sơ: 037105

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ mẫu “Bản cam kết” trong thành phần hồ sơ

Lý do: Hiện nay, đã có cơ chế xử lý vi phạm nếu công chứng viên không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, không cần thiết phải làm bản cam kết.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

17. Thủ tục Đăng ký sáp nhập tổ chức hành nghề luật sư - mã số hồ sơ: 037148

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành: “Thủ tục đăng ký hợp nhất, sáp nhập tổ chức hành nghề luật sư”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Đăng ký hợp nhất tổ chức hành nghề luật sư” thành 1 thủ tục chung, vì hai thủ tục này tương đối giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

18. Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư (đối với trường hợp bị mất giấy) - mã số hồ sơ: 054401

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành: “Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư (trường hợp giấy bị rách, cháy hoặc bị tiêu hủy)” thành 1 thủ tục chung, vì hai thủ tục này tương đối giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

19. Thủ tục Công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 039605

19.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi tên thủ tục thành: “Thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (không phải là nhà ở)”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thành một thủ tục chung và đổi tên là “Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (không phải là nhà ở)”. Vì các thủ tục này giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: do thực tế khi các bên có yêu cầu công chứng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong văn bản công chứng. Do đó, không cần thiết phải có Phiếu yêu cầu công chứng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật: do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng nên không cần thiết phải làm Giấy cam kết.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: cũng có một số ý kiến cho rằng không hợp lý, do những thông tin này đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng kiểm tra, xác minh khi cấp giấy. Và vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử

dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

d). Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

20. Thủ tục Công chứng Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp - mã số hồ sơ: 041685

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch.

- Bỏ giấy cam kết về đối tượng giao dịch có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: do thực tế khi các bên có yêu cầu công chứng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong văn bản công chứng. Do đó, không cần thiết phải có Phiếu yêu cầu công chứng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật: do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng nên không cần thiết phải làm Giấy cam kết.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: cũng có một số ý kiến cho rằng không hợp lý, do những thông tin này đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng kiểm tra, xác minh khi cấp giấy. Và vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ

luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.
- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

21. Thủ tục Công chứng việc sửa đổi hợp đồng giao dịch - mã số hồ sơ: 037178

21.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi tên thủ tục thành “Công chứng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: “Công chứng Hợp đồng bổ sung hợp đồng, giao dịch; Công chứng Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch thành một thủ tục chung và lấy tên là “Công chứng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch”. Vì giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, các loại giấy tờ, thời hạn giải quyết.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ: Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch.

Lý do:

Do thực tế khi các bên có yêu cầu công chứng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong văn bản công chứng. Do đó, không cần thiết phải có Phiếu yêu cầu công chứng..

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

22. Thủ tục Công chứng di chúc - mã số hồ sơ: 044089

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch.

- Bỏ giấy cam kết về đối tượng giao dịch có thật.

- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký xác lập di chúc. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu di chúc.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật: do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung di chúc nên không cần thiết phải làm Giấy cam kết.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: cũng có một số ý kiến cho rằng không hợp lý, do những thông tin này đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng kiểm tra, xác minh khi cấp giấy. Và vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ

và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Năng lực hành vi dân sự là quy định chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn. Hoặc quy định về việc cung cấp giấy khám sức khỏe (xác định về mức độ minh mẫn của người lập di chúc).

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

23. Thủ tục Nhận lưu giữ di chúc - mã số hồ sơ: 044112

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch.

Lý do:

Do thực tế khi các bên có yêu cầu về Công chứng nhận giữ di chúc mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký văn bản Công chứng nhận giữ di chúc. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Giấy nhận giữ di chúc.

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.

Lý do:

Năng lực hành vi dân sự là quy định chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

24. Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản - mã số hồ sơ: 044123

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên “Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản” thành “Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận, phân chia di sản”.

Lý do:

Nhập “Thủ tục công chứng văn bản khai nhận di sản” vào “Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận, phân chia di sản”. Vì hai thủ tục này chỉ khác nhau ở mẫu văn bản công chứng (Chỉ khác nhau về nội dung thỏa thuận), còn trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ,... là tương tự nhau.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết văn bản khai nhận, phân chia di sản. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu văn bản khai nhận, phân chia di sản. Do đó, không cần thiết phải có Phiếu yêu cầu công chứng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong văn bản khai nhận, phân chia di sản.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng

Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Bổ sung trình tự thực như sau: “Người thực hiện công chứng phải niêm yết khai nhận di sản, phân chia di sản tại UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng hoặc nơi có Bất động sản của người để lại di sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết”.

Lý do:

Hiện nay theo Luật Công chứng, không có quy định đối với văn bản khai nhận, phân chia di sản phải được niêm yết tại UBND cấp xã nơi có Bất động sản, hay nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản (như đã được quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2002 của Chính phủ về công chứng, chứng thực)

Nhưng thực tế cho thấy rằng việc niêm yết việc khai nhận, phân chia di sản là một hình thức xác minh đối với tài sản, người được thừa kế (tránh bỏ sót hoặc giấu người thừa kế...), nên vẫn áp dụng theo quy định của Nghị định 75/2000/NĐ-CP.

d). Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Điều 49 và Điều 50 của Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Bổ sung trình tự thực hiện việc niêm yết vào Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

25. Thủ tục Công chứng văn bản từ chối nhận di sản - mã số hồ sơ: 044451

25.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết vào văn bản từ chối di sản. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu văn bản.

Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong văn bản từ chối nhận di sản.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong văn bản từ chối nhận di sản.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ: Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.

Lý do:

Năng lực hành vi dân sự là quy định chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

26. Thủ tục Công chứng Hợp đồng mua bán nhà - mã số hồ sơ: 045055

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng mua bán nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng mua bán nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ: Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.
- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên

quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

27. Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê nhà - mã số hồ sơ: 045593

27.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.

- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng cho thuê nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng cho thuê nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng

Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ: Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

28. Thủ tục Công chứng Hợp đồng tặng cho nhà - mã số hồ sơ: 046835

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.

- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.
- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.
- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.
- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

29. Thủ tục Công chứng Hợp đồng đổi nhà - mã số hồ sơ: 047287

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ

luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.
- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

30. Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp nhà - mã số hồ sơ: 047827

30.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân

gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Sửa đổi điều kiện: Một bất động sản được thế chấp để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ.

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.

- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Theo Điều 47 Luật Công chứng: “Một bất động sản đã được thế chấp để bảo đảm thực hiện một nghĩa vụ và hợp đồng thế chấp đã được công chứng mà sau đó

được tiếp tục thế chấp để bảo đảm cho một nghĩa vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép thì các hợp đồng thế chấp tiếp theo phải do Công chứng viên đã công chứng hợp đồng thế chấp lần đầu thực hiện công chứng. Trường hợp Công chứng viên công chứng hợp đồng thế chấp lần đầu chuyển sang tổ chức hành nghề công chứng khác, không còn hành nghề công chứng hoặc không thể thực hiện việc công chứng thì Công chứng viên thuộc tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hợp đồng thế chấp công chứng hợp đồng đó”. Việc quy định điều kiện này là chưa hợp lý, vì thực tế, có nhiều trường hợp Công chứng viên chứng nhận lần đầu nghỉ phép, nghỉ ốm, đi công tác thì công chứng viên khác có được chứng nhận hay không? Nên quy định theo hướng bất kỳ công chứng viên nào của tổ chức hành nghề công chứng đều có quyền chứng nhận thế chấp bổ sung, do dữ liệu về hồ sơ đều có thể tiếp cận, kiểm soát được tại chính tổ chức hành nghề công chứng đó, không cần thiết phải là công chứng viên đã ký trước đó mới được chứng nhận.

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 3 Điều 47 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.
- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.
- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

31. Thủ tục Công chứng hợp đồng cho ở nhờ - mã số hồ sơ: 047004

31.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà”.

Lý do:

Nhập “Thủ tục Công chứng hợp đồng cho ở nhờ nhà” và “Thủ tục Công chứng hợp đồng cho mượn” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Công chứng Hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà”. Vì hai thủ tục này có trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ là tương tự nhau.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một

người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

32. Thủ tục Công chứng hợp đồng ủy quyền quản lý nhà ở - mã số hồ sơ: 047071

32.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.

- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân

gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

33. Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (hợp đồng mua bán tài sản) - mã số hồ sơ: 047460

33.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (mua bán, cầm cố, thuê, vay tài sản)”.

Lý do:

Nhập các thủ tục “Công chứng Hợp đồng cầm cố; Công chứng hợp đồng mua bán tài sản; Công chứng hợp đồng thuê tài sản; Công chứng hợp đồng vay tài sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (mua bán, cầm cố, thuê, vay tài sản)”. Vì bốn thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa

số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

d). Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt

khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

34. Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Hợp đồng ủy quyền) - mã số hồ sơ: 071820

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (ủy quyền)”.

Lý do:

Do thủ tục này cũng tương tự như thủ tục “Công chứng Giấy ủy quyền” về trình tự thủ tục, cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết. Do vậy, nên nhập 02 thủ tục này thành một thủ tục chung và lấy tên là “Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (ủy quyền)”.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

d) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

(1)- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.

(2)- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

(3)- Bỏ điều kiện: “Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng các hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản”.

Lý do:

(1)- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

(2)- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

(3)- Không cần thiết. Vì việc đặt ra địa hạt đối với bất động sản thuộc phạm vi tỉnh, thành phố được áp dụng đối với các hợp đồng giao dịch có sự chuyển dịch về bất động sản. Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền. Đối tượng của ủy quyền là những hành vi pháp lý, không phải là bất động sản. Do đó, bất cứ công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng nào cũng có thẩm quyền công chứng các hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng, cụ thể là hợp đồng ủy quyền đối với bất động sản ở bất kỳ phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Điều 581 - BLDS 2005).

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

- Sửa đổi Điều 36 Luật Công chứng hoặc có Thông tư hướng dẫn.

35. Thủ tục Công chứng Hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (giao dịch khác) - mã số hồ sơ: 071874

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, để đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

36. Thủ tục Cấp bản sao văn bản công chứng từ hồ sơ lưu trữ tại Phòng Công chứng - mã số hồ sơ: 050741

36.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 02 ngày làm việc.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

37. Thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng - mã số hồ sơ: 050747

37.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “Thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận việc phân chia, khôi phục, nhập tài sản chung - riêng của vợ chồng”.

Lý do:

Nhập các thủ tục: Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, Công chứng Văn bản thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng, Công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng thành một thủ tục chung và lấy tên là thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận việc phân chia, khôi phục, nhập tài sản chung - riêng của vợ chồng”. Vì ba thủ

tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.
- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.
- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được

1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

d) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

38. Thủ tục Công chứng Văn bản cam kết về tài sản - mã số hồ sơ: 038929

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục “Công chứng Văn bản cam kết về tài sản” thành thủ tục “Chứng nhận văn bản thỏa thuận về tài sản (chứng nhận theo yêu cầu - các giao dịch khác)”.

Lý do:

Văn bản cam kết tài sản của chủ thể có quyền sở hữu tài sản có xác nhận chữ ký tại địa phương. Do theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về chứng thực chữ ký thì đây là thẩm quyền của UBND.

Trong khi đó, theo quy định của Luật Công chứng, Phòng công chứng không còn chức năng chứng thực chữ ký. Công chứng viên sẽ chứng nhận văn bản cam kết về tài sản bằng hình thức chứng nhận nội dung thỏa thuận (theo yêu cầu của người công chứng).

Do đó, đề nghị đổi tên thủ tục này thành “Thủ tục chứng nhận văn bản thỏa thuận về tài sản (chứng nhận theo yêu cầu - các giao dịch khác)”.

b) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Chuẩn hóa và sửa đổi tên mẫu “Văn bản cam kết về tài sản”.

Lý do:

- Do thực tế khi các bên có yêu cầu công chứng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu công chứng đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết văn bản. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu văn bản. Do đó, không cần thiết phải làm Phiếu yêu cầu công chứng.

- Văn bản cam kết của chủ thể có quyền sở hữu tài sản có xác nhận chữ ký tại địa phương. Do theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về chứng thực chữ ký thì đây là thẩm quyền của UBND. Theo Luật Công chứng, Phòng công chứng không còn chức năng chứng thực chữ ký. Theo quy định của Luật Công chứng, công chứng viên sẽ chứng nhận văn bản cam kết về tài sản bằng hình thức chứng nhận nội dung thỏa thuận (theo yêu cầu của người công chứng). Do đó, đề nghị đổi tên mẫu văn bản này thành “Văn bản thỏa thuận về tài sản” tương ứng với thủ tục được đề nghị sửa đổi “Thủ tục chứng nhận văn bản thỏa thuận về tài sản (chứng nhận theo yêu cầu - các giao dịch khác)”. Đồng thời chuẩn hóa mẫu văn bản này vào văn bản quy phạm pháp luật.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Áp dụng mẫu “Văn bản cam kết về tài sản” tại Quyết định số 123/2005/QĐ-UBND 15/7/2005 của UBND TP.HCM v/v ban hành 76 Biểu mẫu trong lĩnh vực công chứng chứng thực.

- Bổ sung mẫu “Văn bản cam kết về tài sản” trong Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

- Sửa Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

39. Thủ tục Công chứng hợp đồng hợp tác kinh doanh - mã số hồ sơ: 039148

39.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Bỏ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch.

- Bỏ Giấy cam kết đối tượng giao dịch là có thật.

- Bỏ giấy tờ chứng minh về tài sản chung/riêng.

Lý do:

- Đối với Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch: Do thực tế khi các bên có yêu cầu về chứng nhận hợp đồng mới đến liên hệ với phòng công chứng. Việc thể hiện yêu cầu chứng nhận đã được thể hiện qua việc các bên điền mẫu, ký kết Hợp đồng tặng cho nhà. Mặt khác, các thông tin trong phiếu yêu cầu công chứng đã được thể hiện trong bản mẫu Hợp đồng.

- Đối với Giấy cam kết đối tượng giao dịch có thật: Do có thể đưa nội dung này vào trong nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng tặng cho nhà.

- Đối với giấy tờ chứng minh tài sản chung/riêng: vì theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, nếu là tài sản chung phải ghi tên cả vợ chồng. Do đó nếu giấy chứng nhận chỉ ghi tên một

người thì có thể coi là thuộc sở hữu riêng của người đứng tên sở hữu, cơ quan cấp giấy đã kiểm tra nội dung này. Do đó, cơ quan công chứng không cần phải yêu cầu chứng minh thêm nội dung này nữa. Tuy nhiên, quan điểm này không nhận được đa số đồng tình do Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 03/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số trường hợp của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hướng dẫn rằng việc giấy chứng nhận ghi tên một người (vợ hoặc chồng) không đồng nghĩa với việc đó là sự ghi nhận tài sản riêng của người đứng tên trên giấy, mà người đó phải có nghĩa vụ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được Luật Hôn nhân gia đình quy định là tài sản riêng. Hơn nữa, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, có nhiều loại giấy tờ khác nhau, do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp, không phải bao giờ việc cấp giấy đều phù hợp với quy định tài sản chung phải ghi tên cả hai vợ chồng. Thêm vào đó, hiện pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép ghi tên của vợ chồng vào giấy chứng nhận nếu vợ chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được đứng tên sở hữu bất động sản ở Việt Nam.

Vấn đề này có thể khắc phục và có thể bỏ loại giấy này nếu thống nhất hóa được 1 mẫu giấy chung, và đổi hết tất cả các loại giấy cũ, đồng thời cơ quan cấp giấy khi cấp, đổi giấy xác định luôn tài sản chung riêng theo quy định của Luật và ghi nhận rõ luôn trên giấy chứng nhận (hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 của Luật Đất đai đã có quy định thống nhất về việc cấp một loại giấy có tên gọi là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong ngày làm việc; trong trường hợp hồ sơ phức tạp thì tối đa không quá 10 ngày.

Lý do:

Thực tế hiện nay, việc rút ngắn thời gian vẫn đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ và để đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

c) Sửa đổi, bổ sung yêu cầu, điều kiện:

- Đề nghị làm rõ tiêu chí về xác định năng lực hành vi dân sự.
- Đề nghị pháp lý hóa vấn đề tài sản bị kê biên, tranh chấp.

Lý do:

- Quy định về xác định năng lực hành vi dân sự chỉ mang tính chung chung trong Bộ Luật Dân sự 2005 nên người thực thi không có tiêu chí xác định cụ thể. Mặt khác, công chứng viên không phải là chuyên gia xác định về tâm thần nên thường xác định năng lực hành vi dân sự theo cảm tính, dễ đặt ra các yêu cầu khác, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng.

- Vấn đề xác định trường hợp nào tài sản được coi là bị tranh chấp hay bị kê biên: khi phát sinh tranh chấp giữa các bên hay chỉ khi tranh chấp đó đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý mới được coi là tranh chấp? Hơn nữa, hiện nay những căn cứ để xác định tranh chấp hay kê biên và các trường hợp công chứng viên được từ chối vẫn chưa được pháp lý hóa trong các văn bản pháp luật về công chứng.

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan, các quyết định của UBND địa phương có liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

- Sửa đổi các quy định về cấp giấy chứng nhận, đăng ký sở hữu đối với các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký như tàu, xe...

- Sửa đổi khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng 2006.

- Sửa đổi Bộ Luật Dân sự hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn.

- Bổ sung điều khoản cụ thể vào Luật Công chứng hay có một nghị định hoặc thông tư hướng dẫn cụ thể.

40. Thủ tục Tham gia mua tài sản đấu giá - mã số hồ sơ: 039347

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời hạn niêm yết việc bán đấu giá tài sản: đối với Bất động sản là 15 ngày, đối với động sản là 07 ngày kể từ ngày thông báo việc bán đấu giá

Lý do:

Hiện nay theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản thì việc niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá chậm nhất là 07 ngày đối với động sản và 30 ngày đối với bất động sản trước ngày mở cuộc bán đấu giá tài sản là không cần thiết, vì việc thông báo bán đấu giá Bất động sản chỉ cần trong vòng 15 ngày là đủ, điều này trách được tình trạng kéo dài của hồ sơ và thời gian của khách hàng đăng ký tham gia đấu giá.

b) Chuẩn hóa mẫu “Đơn đăng ký mua tài sản bán đấu giá” vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do:

Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc làm đơn và cung cấp những thông tin cần thiết cho cơ quan hành chính khi thực hiện thủ tục hành chính.

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 1, Điều 12 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/11/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

41. Thủ tục Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản là bất động sản - mã số hồ sơ: 039369

41.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá.

Lý do:

Vì nếu thỏa thuận rút ngắn được thời hạn niêm yết việc bán đấu giá thì thời hạn thực hiện hợp đồng sẽ được rút ngắn theo.

b) Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành thủ tục “Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu

giá tài sản là động sản” thành một thủ tục chung và sửa đổi tên thành thủ tục “Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản”. Vì hai thủ tục này giống nhau về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ và quy định của pháp luật.

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1, Điều 12, Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/11/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản

- Sửa đổi khoản 2, Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Sửa đổi Điều 8 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/11/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

- Sửa đổi tên thủ tục hành chính số 79 mục I phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

42. Thủ tục Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản là động sản - mã số hồ sơ: 039383

42.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản là động sản”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản là bất động sản” thành một thủ tục chung và sửa đổi tên thành thủ tục “Ký kết và thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản”. Vì hai thủ tục này giống nhau về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ và quy định của pháp luật.

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 8 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/11/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

- Bỏ thủ tục số 80 mục I phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

43. Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 035476

43.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Chỉ nên yêu cầu cung cấp bản sao không cần có chứng thực (bản chụp) đối với: Giấy chứng minh nhân dân; Hộ khẩu.

Lý do:

Việc yêu cầu cung cấp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Chứng minh nhân dân, hộ khẩu là không cần thiết, vì để đảm bảo tính xác thực của bản sao cán bộ của cơ quan hành chính chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản chính với bản chụp là đủ. Đồng thời, giảm bớt thời gian và chi phí cho người dân khi thực hiện thủ tục này.

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

44. Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài - mã số hồ sơ: 035529

44.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Chuẩn hóa mẫu “Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về đăng ký khai tử”.

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài không quy định mẫu đơn này. Tuy nhiên, nhằm để cung cấp các thông tin cần thiết để thân nhân của người chết dễ thực hiện khi đăng ký khai tử, việc chuẩn hóa mẫu “Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về đăng ký khai tử” là cần thiết.

44.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung mẫu “Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về đăng ký khai tử” vào Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

45. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài - mã số hồ sơ: 035639

45.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong trường hợp xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm 20 ngày).

Lý do:

Theo Điều 31 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/07/2002 của Chính phủ quy định trình tự giải quyết hồ sơ khá dài. Do đó, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết hồ sơ, thực tế thời gian 30 ngày vẫn đảm bảo giải quyết hồ sơ đúng hạn cho người dân.

Cụ thể:

- Thông báo niêm yết về việc nhận hồ sơ cha, mẹ, con liên tục trong 15 ngày.
- Nghiên cứu, báo cáo kết quả thẩm tra, đề xuất ý kiến, trình UBNDTP. Hồ Chí Minh Quyết định công nhận cha, mẹ, con trong thời gian 7 ngày.
- UBND TP. Hồ Chí Minh xem xét, ký cấp Quyết định công nhận cha, mẹ, con và trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thời gian 7 ngày.
- Sở Tư pháp trao Quyết định công nhận cha, mẹ, con cho đương sự (trừ trường hợp đương sự có lý do chính đáng về thời gian nhận hồ sơ)

45.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 31, Điều 32 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/07/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

46. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao khai sinh) - mã số hồ sơ: 036154

46.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

Lý do:

Do thủ tục này cũng giống như các thủ tục: Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính; Cấp bản sao quyết định công nhận cha mẹ con; Cấp bản sao khai tử; Cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết. Do vậy đề nghị nhập 05 thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

46.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 60 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Sửa đổi tên thủ tục trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM - số 15 mục II phần II).

47. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc sinh của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài - mã số hồ sơ: 035287

47.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục thành: “Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con; Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn; Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi) thành một thủ tục chung. Vì các thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết... Do vậy đề nghị nhập các thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

47.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Mục 4 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Sửa đổi tên thủ tục này trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM - số 22 mục II phần II).

48. Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý - mã số hồ sơ: 039420

48.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Áp dụng cơ chế liên thông đối với việc thực hiện thủ tục xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý (giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý).

Lý do:

Trước khi thực hiện thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, người dân phải tự liên hệ UBND cấp xã để làm thủ tục xác nhận thuộc diện được trợ giúp pháp lý (người nghèo, người cô đơn không nơi nương tựa, người dân tộc thiểu số...). Do đó, để giảm bớt thời gian đi lại và chi phí cho người dân, việc áp dụng cơ chế liên thông giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và UBND cấp xã là cần thiết.

Khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý, nếu người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý mà không có những giấy tờ chứng minh thì Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước sẽ gửi văn bản hoặc cử cán bộ liên hệ trực tiếp UBND cấp xã để xác minh. Người dân không cần phải liên hệ UBND cấp xã để yêu cầu cấp Giấy xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

48.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

49. Thủ tục Cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia hòa giải trong trợ giúp pháp lý - mã số hồ sơ: 049403

49.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Áp dụng cơ chế liên thông đối với việc thực hiện thủ tục xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý (giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý).

Lý do:

Trước khi thực hiện thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, người dân phải tự liên hệ UBND cấp xã để làm thủ tục xác nhận thuộc diện được trợ giúp pháp lý (người nghèo, người cô đơn không nơi nương tựa, người dân tộc thiểu số...). Do đó, để giảm bớt thời gian đi lại và chi phí cho người dân, việc áp dụng cơ chế liên thông giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và UBND cấp xã là cần thiết.

Khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý, nếu người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý mà không có những giấy tờ chứng minh thì Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước sẽ gửi văn bản hoặc cử cán bộ liên hệ trực tiếp UBND cấp xã để xác minh. Người dân không cần phải liên hệ UBND cấp xã để yêu cầu cấp Giấy xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

49.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

50. Thủ tục yêu cầu cử trợ giúp viên pháp lý/luật sư tham gia tố tụng trợ giúp pháp lý - mã số hồ sơ: 049452

50.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Áp dụng cơ chế liên thông đối với việc thực hiện thủ tục xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý (giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý).

Lý do:

Trước khi thực hiện thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, người dân phải tự liên hệ UBND cấp xã để làm thủ tục xác nhận thuộc diện được trợ giúp pháp lý (người nghèo, người cô đơn không nơi nương tựa, người dân tộc thiểu số...). Do đó, để giảm bớt thời gian đi lại và chi phí cho người dân, việc áp dụng cơ chế liên thông giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và UBND cấp xã là cần thiết.

Khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý, nếu người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý mà không có những giấy tờ chứng minh thì Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước sẽ gửi văn bản hoặc cử cán bộ liên hệ trực tiếp UBND cấp xã để xác minh. Người dân không cần phải liên hệ UBND cấp xã để yêu cầu cấp Giấy xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

50.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

51. Thủ tục Yêu cầu cử người đại diện ngoài tổ tụng - mã số hồ sơ: 049480

51.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung:

Áp dụng cơ chế liên thông đối với việc thực hiện thủ tục xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý (giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý).

Lý do:

Trước khi thực hiện thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý, người dân phải tự liên hệ UBND cấp xã để làm thủ tục xác nhận thuộc diện được trợ giúp pháp lý (người nghèo, người cô đơn không nơi nương tựa, người dân tộc thiểu số...). Do đó, để giảm bớt thời gian đi lại và chi phí cho người dân, việc áp dụng cơ chế liên thông giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và UBND cấp xã là cần thiết.

Khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý, nếu người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý mà không có những giấy tờ chứng minh thì Trung tâm trợ giúp pháp lý

nhà nước sẽ gửi văn bản hoặc cử cán bộ liên hệ trực tiếp UBND cấp xã để xác minh. Người dân không cần phải liên hệ UBND cấp xã để yêu cầu cấp Giấy xác nhận đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

51.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

52. Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân (Trường hợp tự chấm dứt hoạt động) - mã số hồ sơ: 036152

52.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân (Trường hợp tự chấm dứt hoạt động)

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân (Trường hợp Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân chết)” và sửa đổi tên thủ tục thành “Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

52.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 9 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

53. Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (Trường hợp tổ chức hành nghề luật sư thành lập Chi nhánh và Văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động) - mã số hồ sơ: 036156

53.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (Trường hợp tổ chức hành nghề luật sư thành lập Chi nhánh và Văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động).

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (Trường hợp chi nhánh và văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức hành nghề luật sư)” và sửa đổi tên gọi thành “thủ tục Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

53.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 11 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

54. Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (công ty mẹ có trụ sở ở nước ngoài); công ty luật nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 036993

54.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (công ty mẹ có trụ sở ở nước ngoài); công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (công ty mẹ có trụ sở tại Việt Nam)” và sửa đổi tên gọi thành “Thủ tục Đăng ký hoạt động của Chi nhánh, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

54.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 14 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

55. Thủ tục Thành lập Đoàn luật sư - mã số hồ sơ: 037035

55.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thành lập Đoàn luật sư.

Lý do:

Theo quy định của Luật Luật sư thì mỗi tỉnh, thành chỉ thành lập 1 đoàn luật sư. Thực tế hiện nay, trên địa bàn thành phố đã có Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, không cần thiết phải công bố thủ tục này vì không tồn tại nhu cầu thực tế.

55.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 17 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

56. Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác) - mã số hồ sơ: 043382

56.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Trường hợp mất Giấy đăng ký hoạt động)” và sửa đổi tên gọi thành “Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng”. Vì hai thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

56.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 27 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

57. Thủ tục Hợp nhất tổ chức hành nghề luật sư - mã số hồ sơ: 037144

57.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Hợp nhất tổ chức hành nghề luật sư.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Đăng ký sáp nhập tổ chức hành nghề luật sư”. Vì hai thủ tục này tương đối giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

57.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 31 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

58. Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư (trường hợp giấy bị rách, cháy hoặc bị tiêu hủy) - mã số hồ sơ: 037151

58.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư (trường hợp giấy bị rách, cháy hoặc bị tiêu hủy).

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký hành nghề luật sư (đối với trường hợp bị mất giấy)” và sửa đổi tên gọi thành “Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy đăng ký hoạt động, giấy đăng ký hành nghề luật sư”. Vì hai thủ tục này tương đối giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

58.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 33 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

59. Thủ tục Cung cấp thông tin về Văn phòng công chứng - mã số hồ sơ: 037172

59.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cung cấp thông tin về Văn phòng công chứng.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư” và đổi tên thành “Thủ tục Cung cấp thông tin”. Vì hai thủ tục này tương đối giống nhau về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết.

59.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 37 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

60. Thủ tục Công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 041276

60.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thành một thủ tục chung và đổi tên là “Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (không phải là nhà ở)”. Vì các thủ tục này giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

60.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 39 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

61. Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 042325

61.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất; Công chứng hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thành một thủ tục chung và đổi tên là “Công chứng Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất”. Vì các thủ tục này giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

61.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bỏ thủ tục số 42 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

62. Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 (bảo lãnh) - mã số hồ sơ: 037250

62.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 (bảo lãnh).

Lý do:

Do thủ tục hành chính này cũng tương tự như thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, các loại giấy tờ, thời hạn giải quyết.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 4 Điều 72 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất được chuyển thành việc thế chấp quyền sử dụng đất; và theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy

định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai được hiểu là thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn theo quy định của Bộ Luật Dân sự (gọi chung là thế chấp bằng quyền sử dụng đất). Do vậy, đề xuất nên nhập các thủ tục này làm một, đồng thời đổi tên thủ tục ưu tiên số 49 của Bộ Tư pháp thành thủ tục “Công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất”.

62.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ thủ tục số 44 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

63. Thủ tục Công chứng việc bổ sung hợp đồng giao dịch - mã số hồ sơ: 043725

63.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Công chứng việc bổ sung hợp đồng giao dịch.

Lý do:

Do nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng Hợp đồng sửa đổi hợp đồng, giao dịch; Công chứng Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch, và có tên gọi chung là “Thủ tục Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch”. Vì các thủ tục này giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, các loại giấy tờ, thời hạn giải quyết.

63.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ thủ tục số 47 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

64. Thủ tục Công chứng hợp việc hủy bỏ hợp đồng giao dịch - mã số hồ sơ: 044072

64.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp việc hủy bỏ hợp đồng giao dịch.

Lý do:

Do nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng Hợp đồng sửa đổi hợp đồng, giao dịch; Công chứng Hợp đồng bổ sung hợp đồng, giao dịch, và có tên gọi chung là “Thủ tục Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch”. Vì các thủ tục này giống nhau về trình tự thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, các loại giấy tờ, thời hạn giải quyết.

64.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 48 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

65. Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận di sản - mã số hồ sơ: 044455

65.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng văn bản khai nhận di sản.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận, phân chia di sản”. Vì hai thủ tục này chỉ khác nhau ở mẫu văn bản công chứng (Chỉ khác nhau về nội dung thỏa thuận), còn trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ,... là tương tự nhau.

65.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Điều 49 và Điều 50 của Luật Công chứng 2006.

- Bỏ thủ tục số 53 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

66. Thủ tục Công chứng hợp đồng cho mượn nhà - mã số hồ sơ: 046918

66.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng cho mượn nhà

Lý do:

Nhập thủ tục này vào “Công chứng Hợp đồng cho ở nhờ” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Công chứng Hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà”. Vì hai thủ tục này giống nhau về trình tự thực hiện, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

66.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 59 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

67. Thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (bán tài sản để thi hành án) - mã số hồ sơ: 047150

67.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (bán tài sản để thi hành án).

Lý do:

Thủ tục bán đấu giá tài sản phải tuân thủ quy trình, chế định riêng về pháp luật bán đấu giá tài sản và Đấu giá viên đã chịu trách nhiệm về việc bán đấu giá của mình, việc Công chứng viên tham dự phiên đấu giá chỉ là hình thức, vì chỉ chứng nhận diễn biến của phiên đấu giá phù hợp với trình tự do pháp luật quy định. Trong khi thành phần hồ sơ, điều kiện giao dịch lại thuộc trách nhiệm của Đấu giá viên. Do đó, không cần thiết phải thực hiện thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản.

67.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 62 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM

68. Thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (bán tài sản là công sản) - mã số hồ sơ: 047192

68.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (bán tài sản là công sản).

Lý do:

Thủ tục bán đấu giá tài sản phải tuân thủ quy trình, chế định riêng về pháp luật bán đấu giá tài sản và Đấu giá viên đã chịu trách nhiệm về việc bán đấu giá của mình, việc Công chứng viên tham dự phiên đấu giá chỉ là hình thức, vì chỉ chứng nhận diễn biến của phiên đấu giá phù hợp với trình tự do pháp luật quy định. Trong khi thành phần hồ sơ, điều kiện giao dịch lại thuộc trách nhiệm của Đấu giá viên. Do đó, không cần thiết phải thực hiện thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản.

68.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ thủ tục số 63 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

69. Thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (ủy quyền của cá nhân, ngân hàng xử lý tài sản) - mã số hồ sơ: 047329

69.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản (ủy quyền của cá nhân, ngân hàng xử lý tài sản)

Lý do:

Thủ tục bán đấu giá tài sản phải tuân thủ quy trình, chế định riêng về pháp luật bán đấu giá tài sản và Đấu giá viên đã chịu trách nhiệm về việc bán đấu giá của mình, việc Công chứng viên tham dự phiên đấu giá chỉ là hình thức, vì chỉ chứng nhận diễn biến của phiên đấu giá phù hợp với trình tự do pháp luật quy định. Trong khi thành phần hồ sơ, điều kiện giao dịch lại thuộc trách nhiệm của Đấu giá viên. Do đó, không cần thiết phải thực hiện thủ tục Công chứng hợp đồng bán đấu giá tài sản.

69.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ thủ tục số 64 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

70. Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (hợp đồng cầm cố tài sản) - mã số hồ sơ: 048189

70.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (hợp đồng cầm cố tài sản).

Lý do:

Nhập các thủ tục “Công chứng Hợp đồng cầm cố tài sản; Công chứng hợp đồng mua bán tài sản; Công chứng hợp đồng thuê tài sản; Công chứng hợp đồng vay tài sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (mua bán, cầm cố, thuê, vay tài sản)”. Vì bốn thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

70.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 66 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

71. Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Giấy ủy quyền) - mã số hồ sơ: 071811

71.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Giấy ủy quyền).

Lý do:

Do thủ tục hành chính này cũng tương tự như thủ tục “Công chứng Hợp đồng ủy quyền” về trình tự thủ tục, cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết. Do vậy, nên nhập 02 thủ tục này thành một thủ tục chung và lấy tên là “Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (ủy quyền)”.

71.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 67 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

72. Thủ tục Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Hợp đồng thuê tài sản) - mã số hồ sơ: 071827

72.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Hợp đồng thuê tài sản).

Lý do:

Nhập các thủ tục “Công chứng Hợp đồng cầm cố tài sản; Công chứng hợp đồng mua bán tài sản; Công chứng hợp đồng thuê tài sản; Công chứng hợp đồng vay tài sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (mua bán, cầm cố, thuê, vay tài sản)”. Vì bốn thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

72.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 69 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

73. Thủ tục Công chứng Hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Hợp đồng vay tài sản) - mã số hồ sơ: 071860

73.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng Hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (Hợp đồng vay tài sản).

Lý do:

Nhập các thủ tục “Công chứng Hợp đồng cầm cố tài sản; Công chứng hợp đồng mua bán tài sản; Công chứng hợp đồng thuê tài sản; Công chứng hợp đồng vay tài

sản” thành một thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của người công chứng (mua bán, cầm cố, thuê, vay tài sản)”. Vì bốn thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

73.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 70 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

74. Thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng - mã số hồ sơ: 037572

74.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng Văn bản thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng; Công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng thành một thủ tục chung và lấy tên là thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận việc phân chia, khôi phục, nhập tài sản chung - riêng của vợ chồng”. Vì ba thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

74.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 74 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

75. Thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng - mã số hồ sơ: 038791

75.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng; Công chứng Văn bản thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng thành một thủ tục chung và lấy tên là thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận việc phân chia, khôi phục, nhập tài sản chung - riêng của vợ chồng”. Vì ba thủ tục này tương tự nhau về trình tự, thủ tục, cách thức, cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết.

75.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 75 mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

76. Thủ tục Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính - mã số hồ sơ: 036145

76.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.

Lý do:

Do thủ tục này cũng giống như các thủ tục: Cấp bản sao giấy khai sinh; Cấp bản sao quyết định công nhận cha mẹ con; Cấp bản sao khai tử; Cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết. Do vậy đề nghị nhập 05 thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

76.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục số 14 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

77. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao quyết định công nhận cha, mẹ, con) - mã số hồ sơ: 036160

77.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao quyết định công nhận cha, mẹ, con).

Lý do:

Do thủ tục này cũng giống như các thủ tục: Cấp bản sao giấy khai sinh; Cấp bản sao khai tử; Cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết. Do vậy đề nghị nhập 05 thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

77.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bộ thủ tục số 16 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

78. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ Hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao giấy chứng nhận kết hôn) - mã số hồ sơ: 036162

78.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Cấp bản sao giấy tờ Hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao giấy chứng nhận kết hôn)

Lý do:

Do thủ tục này cũng giống như các thủ tục: Cấp bản sao giấy khai sinh; Cấp bản sao khai tử; Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết. Do vậy đề nghị nhập 05 thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

78.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 60 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục số 17 mục II phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM

79. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ Hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao khai tử) - mã số hồ sơ: 036168

79.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp bản sao giấy tờ Hộ tịch từ sổ hộ tịch (Sao khai tử).

Lý do:

Do thủ tục này cũng giống như các thủ tục: Cấp bản sao giấy khai sinh; Cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Cấp bản sao từ sổ hộ tịch quyết định Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính; Cấp bản sao quyết định công nhận cha mẹ con về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết. Do vậy đề nghị nhập 05 thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch”.

79.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Điều 60 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục số 18 mục II phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM .

80. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài - mã số hồ sơ: 035124

80.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc sinh; Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi; Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con) thành một thủ tục chung. Vì các thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết... Do vậy đề nghị nhập các thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

80.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Mục 4 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục số 19 mục II phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM).

81. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài - mã số hồ sơ: 035241

81.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc sinh; Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn; Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi) thành một thủ tục chung. Vì các thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết... Do vậy đề nghị nhập các thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

81.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Mục 4 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục HCM số 20 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.

82. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài - mã số hồ sơ: 035275

82.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Lý do:

Nhập thủ tục này với các thủ tục: Ghi vào sổ hộ tịch việc sinh; Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn; Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con) thành một thủ tục chung. Vì các thủ tục này giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết... Do vậy đề nghị nhập các thủ tục này thành một thủ tục chung và đổi tên là “Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

82.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng Mục 4 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Bỏ thủ tục số 21 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

83. Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng (đối với trường hợp người tập sự tự liên hệ) - mã số hồ sơ: 037153

83.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục “bổ trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng” bằng biện pháp: “Tổ chức hành nghề công chứng thông báo danh sách người tập sự hành nghề công chứng tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tư pháp) tổ chức thi hết tập sự hành nghề công chứng”.

Lý do:

Thực tế hiện nay, cơ quan quản lý nhà nước không quản lý được việc người tập sự hành nghề công chứng có tập sự hay không, chất lượng tập sự mà chỉ dựa vào báo cáo của người tập sự và nhận xét của công chứng viên hướng dẫn. Ngoài ra, để giảm thủ tục hành chính và quản lý chất lượng tập sự hành nghề công chứng cần thay thế thủ tục này bằng biện pháp khác là “Tổ chức hành nghề công chứng thông báo danh sách người tập sự hành nghề công chứng tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tư pháp) tổ chức thi hết tập sự hành nghề công chứng”.

83.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 16 Luật Công chứng 2006.

84. Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng (đối với trường hợp người tập sự đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự) - mã số hồ sơ: 037168

84.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục “bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng” bằng biện pháp: “Tổ chức hành nghề công chứng thông báo danh sách người tập sự hành nghề công chứng tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tư pháp) tổ chức thi hết tập sự hành nghề công chứng”.

Lý do:

Thực tế hiện nay, cơ quan quản lý nhà nước không quản lý được việc người tập sự hành nghề công chứng có tập sự hay không, chất lượng tập sự mà chỉ dựa vào báo cáo của người tập sự và nhận xét của công chứng viên hướng dẫn. Ngoài ra, để giảm thủ tục hành chính và quản lý chất lượng tập sự hành nghề công chứng cần thay thế thủ tục này bằng biện pháp khác là “Tổ chức hành nghề công chứng thông báo danh sách người tập sự hành nghề công chứng tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tư pháp) tổ chức thi hết tập sự hành nghề công chứng”.

84.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Điều 16 Luật Công chứng 2006.

85. Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam (trực tiếp cho người có yêu cầu) - mã số hồ sơ: 036307

85.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi tên thủ tục này thành “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam”.

Lý do:

Nhập thủ tục này và thủ tục “Cấp phiếu lịch tư pháp (trường hợp ủy quyền)” thành thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam”. Vì thực hiện thủ tục này bao gồm cả trường hợp ủy quyền sẽ đơn giản hóa được thủ tục hành chính.

86.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục số 23 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

86. Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam (trực tiếp cho người có yêu cầu) - mã số hồ sơ: 036336

86.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam”.

Lý do:

Nhập thủ tục này và thủ tục “cấp phiếu lịch tư pháp (trường hợp ủy quyền)” thành thủ tục chung và đổi tên thành “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam”. Vì thực hiện thủ tục này bao gồm cả trường hợp ủy quyền sẽ đơn giản hóa được thủ tục hành chính.

86.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục số 24 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

87. Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp (trường hợp ủy quyền) - mã số hồ sơ: 036355

87.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục “Cấp phiếu lý lịch tư pháp (trường hợp ủy quyền)”.

Lý do:

Vì nhập thủ tục này vào “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam”; “Thủ tục Cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam” thành thủ tục chung. Vì giống nhau về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết...

87.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ thủ tục số 25 mục II Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND TP.HCM.

XX. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**1. Thủ tục Giao đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 024827**

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung văn bản xác nhận hoàn tất bồi thường vào thành phần hồ sơ;
- Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.
- Cần quy định rõ thời hạn xác minh của các cơ quan liên quan.
- Cần tập trung đẩy mạnh và hoàn tất công tác lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ xét duyệt sự phù hợp quy hoạch của dự án.
- Đối với trường hợp dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách, kiến nghị không phải thực hiện các thủ tục về phê duyệt và thẩm định dự án mà chỉ cần đăng ký đầu tư; trường hợp cần thiết thì thực hiện sau khi được giao đất.

Lý do:

Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Điều 12 - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND Thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố.

2. Thủ tục Cho thuê đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 027436

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung văn bản xác nhận hoàn tất bồi thường vào thành phần hồ sơ.
- Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.
- Cần quy định rõ thời hạn xác minh của các cơ quan liên quan.
- Cần tập trung đẩy mạnh và hoàn tất công tác lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ xét duyệt sự phù hợp quy hoạch của dự án.
- Đối với trường hợp dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách, kiến nghị không phải thực hiện các thủ tục về phê duyệt và thẩm định dự án mà chỉ cần đăng ký đầu tư; trường hợp cần thiết thì thực hiện sau khi được giao đất.

Lý do:

Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Điều 12 - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND Thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

3. Thủ tục Giao đất chưa được giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 027459

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung vào thành phần hồ sơ:

+ Phương án và quyết định phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

+ Biên bản công bố phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

+ Văn bản xác nhận hoàn tất bồi thường.

- Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.

- Cần quy định rõ thời hạn xác minh của các cơ quan liên quan.

- Cần tập trung đẩy mạnh và hoàn tất công tác lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ xét duyệt sự phù hợp quy hoạch của dự án.

- Đối với trường hợp dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách, kiến nghị không phải thực hiện các thủ tục về phê duyệt và thẩm định dự án mà chỉ cần đăng ký đầu tư; trường hợp cần thiết thì thực hiện sau khi được giao đất.

Lý do: Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Điều 14 - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố.

4. Thủ tục Cho thuê đất chưa được giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 028588

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung vào thành phần hồ sơ:

+ Phương án và quyết định phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

+ Biên bản công bố phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

+ Văn bản xác nhận hoàn tất bồi thường.

- Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.

- Cần quy định rõ thời hạn xác minh của các cơ quan liên quan.

- Cần tập trung đẩy mạnh và hoàn tất công tác lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ xét duyệt sự phù hợp quy hoạch của dự án.

- Đối với trường hợp dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách, kiến nghị không phải thực hiện các thủ tục về phê duyệt và thẩm định dự án mà chỉ cần đăng ký đầu tư; trường hợp cần thiết thì thực hiện sau khi được giao đất.

Lý do: Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Điều 14 - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND Thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố.

5. Thủ tục Giao đất để sử dụng vào mục đích an ninh quốc phòng - mã số hồ sơ: 028604

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung vào thành phần hồ sơ:

+ Phương án và quyết định phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư;

+ Biên bản công bố phương án tổng thể về bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư;

+ Văn bản xác nhận hoàn tất bồi thường vào thành phần hồ sơ;

- Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.

- Cần quy định rõ thời hạn xác minh của các cơ quan liên quan.

- Cần tập trung đẩy mạnh và hoàn tất công tác lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ xét duyệt sự phù hợp quy hoạch của dự án.

Lý do:

Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Điều 10 - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố.

6. Thủ tục Gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài - mã số hồ sơ: 028661

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Xác định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.

Lý do:

Nhằm đảm bảo Quy trình giải quyết hồ sơ có căn cứ trên quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dựa trên cơ sở pháp luật; chặt chẽ, rõ ràng.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố về quy định thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

7. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026281

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

8. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026314

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục Sửa đổi, bổ sung:

Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng

đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

9. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026328

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

10. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí lập thủ tục giao thuê đất theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026345

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

11. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phân lô tổng thể theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026363

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

12. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí trích từ bản đồ phân lô tổng thể theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026372

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐDBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

13. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ bổ túc hồ sơ xin chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026388

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

14. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026398

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

15. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôn giáo, an ninh - quốc phòng - mã số hồ sơ: 026425

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

16. Thủ tục đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác giải quyết tranh chấp khiếu nại - mã số hồ sơ: 026434

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

17. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ nhà đất, xác định vị trí, diện tích theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026526

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐDBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

18. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ nhà đất, xác định vị trí, diện tích theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026542

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

19. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước - mã số hồ sơ: 026556

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

20. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí tách thửa phục vụ đăng bộ theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026569

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ.

Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

21. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí tách thửa phục vụ đăng bộ theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026577

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

22. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin phép xây dựng, sửa chữa cải tạo nhà theo yêu cầu của cá nhân - mã số hồ sơ: 026590

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

23. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin phép xây dựng, sửa chữa cải tạo nhà theo yêu cầu của tổ chức - mã số hồ sơ: 026609

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

24. Thủ tục Đăng ký đo đạc, lập bản đồ, bản vẽ chuyên đề, đo cao độ, địa hình, định vị công trình theo yêu cầu của của tổ chức - mã số hồ sơ: 026684

24.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu đơn thực hiện thủ tục này.

Lý do:

- Hiện nay, trên cả nước có nhiều đơn vị, công ty có chức năng đo đạc bản đồ. Trên thực tế, thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ ở mỗi tỉnh, thành là không giống nhau.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hơn 150 công ty, đơn vị có chức năng đo đạc và thủ tục tiếp nhận thực hiện đăng ký đo đạc bản đồ của mỗi công ty, đơn vị cũng không giống nhau.

24.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 1181/TB-ĐĐBĐ ngày 18/10/2004 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ quy định về thủ tục đăng ký đo đạc bản đồ.

25. Thủ tục Kiểm tra bản đồ hiện trạng vị trí trích đo do các công ty, đơn vị có chức năng đo đạc thực hiện - mã số hồ sơ: 026966

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu phiếu liệt kê tài liệu và giao nộp sản phẩm để kiểm tra nghiệm thu và mẫu Bảng Bảng kê hồ sơ kiểm tra loại bản đồ trích đo.

Lý do:

Nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của Trung tâm.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 877/TB-ĐDBĐ ngày 03/12/2002 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ về việc tổ chức kiểm tra các loại bản đồ trích đo do các đơn vị có chức năng đo đạc thực hiện.

26. Thủ tục in sao bản đồ - mã số hồ sơ: 026970

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa thủ tục và mẫu phiếu đề nghị in sao bản đồ .

Lý do:

Nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của Trung tâm.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Thông báo số 381/TB-ĐDBĐ ngày 29/4/2004 về việc tiếp nhận và thực hiện in sao bản đồ.

27. Thủ tục Đăng ký hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng - mã số hồ sơ: 029175

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Thủ tục Đăng ký hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng và mẫu Phiếu đăng ký đính kèm.

Lý do:

Thủ tục Đăng ký hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng và mẫu Phiếu đăng ký đính kèm được ban hành không đúng thẩm quyền.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định 107/2007/QĐ-UBND ngày 31/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

28. Thủ tục Xét duyệt (Phê duyệt) phương án xử lý, tiêu hủy chất thải hàng hóa - mã số hồ sơ: 032461

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Chưa có quy định cụ thể trong việc lập thủ tục xin xét duyệt phương án xử lý, tiêu hủy.

Lý do:

Gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu xin xử lý, tiêu hủy chất thải và tạo sự không đồng bộ giữa các cơ quan có liên quan trong việc hướng dẫn thủ tục.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về thủ tục xét duyệt xử lý, tiêu hủy chất thải/hàng hóa.

29. Thủ tục Cấp chứng từ chất thải nguy hại - mã số hồ sơ: 032487

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Thủ tục cấp chứng từ chất thải nguy hại và mẫu Đơn đăng ký cấp chứng từ chất thải nguy hại đính kèm.

Lý do:

Thủ tục cấp chứng từ chất thải nguy hại và mẫu Đơn đăng ký cấp chứng từ chất thải nguy hại đính kèm được ban hành không đúng thẩm quyền.

b) Sửa đổi, bổ sung: Thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục cấp chứng từ đơn giản, có thể giải quyết nhanh.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về thủ tục cấp phát chứng từ chất thải nguy hại cho chủ nguồn thải.

30. Thủ tục Tuyển dụng công chức - mã số hồ sơ: 025155

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Về thời gian thực hiện thủ tục hành chính.
- Thành phần hồ sơ thi tuyển và bổ nhiệm.

Lý do:

Để các sở, ban, ngành chủ động được thời gian nhằm đánh giá, nhận xét và đề cử nhân viên Hợp đồng lao động tham gia thi tuyển.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Hội đồng thi tuyển công chức thành phố công khai quy định rõ thời gian thi tuyển công chức hàng năm.

- Chỉ nên yêu cầu cung cấp hồ sơ thi tuyển 01 lần trước khi thi tuyển, sau khi trúng tuyển không cần bổ sung thêm hồ sơ.

31. Thủ tục Tuyển dụng hợp đồng lao động - mã số hồ sơ: 025716

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do:

Có thể rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ vì Sở là đơn vị quản lý trực tiếp nhân viên hợp đồng lao động.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị sửa đổi Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu biên chế hàng năm.

32. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp thực hiện hợp thửa đối với thửa đất - mã số hồ sơ: 024548

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Về thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thực hiện theo quy định mới (Điều 12 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Quyết định 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem tiếp Công báo số 39 + 40)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng